

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2018/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 08 tháng 02 năm 2018

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế kèm theo Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy chế phối hợp trong quản lý Nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 113/TTr-STP ngày 22 tháng 11 năm 2017.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 7 của Quy chế phối hợp trong quản lý Nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, như sau:

"5. Tổng hợp, báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và báo cáo kết quả công tác phòng chống vi phạm pháp luật hành chính tại ngành, địa phương mình; đề xuất việc xử lý, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

a) Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính bao gồm: báo cáo về tình hình xử phạt vi phạm hành chính và báo cáo về tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, được thực hiện định kỳ 06 tháng và hàng năm; báo cáo kết quả công tác phòng chống vi phạm pháp luật hành chính

được thực hiện phục vụ kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Nội dung báo cáo và thời điểm lấy số liệu đối với báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 25 và khoản 1 Điều 30 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31, khoản 33 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP của Chính phủ và quy định tại khoản 1, điều 2 Thông tư số 10/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

c) Trách nhiệm thực hiện và thời gian báo cáo:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình đến Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 05 tháng 7 đối với báo cáo định kỳ 6 tháng và trước ngày 05 tháng 01 của năm kế tiếp đối với báo cáo định kỳ hằng năm; Báo cáo kết quả công tác phòng chống vi phạm pháp luật hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình đến Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 05 tháng 5 đối với báo cáo định kỳ phục vụ kỳ họp giữa năm và trước ngày 05 tháng 11 đối với báo cáo định kỳ phục vụ kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình về Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 7 đối với báo cáo định kỳ 06 tháng; trước ngày 10 tháng 01 của năm kế tiếp đối với báo cáo hàng năm; Báo cáo kết quả công tác phòng chống vi phạm pháp luật hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình về Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 5 đối với báo cáo định kỳ phục vụ kỳ họp giữa năm và trước ngày 10 tháng 11 đối với báo cáo định kỳ phục vụ kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh để Sở Tư pháp tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo theo đúng thời gian quy định".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 17 tháng 02 năm 2018.

**Điều 3.** Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
**Lại Xuân Lâm**